

Bản tin **THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 20/10/2017

TRONG SỐ NÀY:

Trang

TÌNH HÌNH CHUNG	2
Thị trường thế giới	2
Thị trường trong nước.....	3
Thị trường lúa, gạo	4
Thị trường gạo châu Á	4
Thị trường trong nước	6
Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam.....	7
Thị trường cao su	13
Thị trường thế giới.....	13
Thị trường trong nước.....	14
Tình hình xuất khẩu cao su của Việt Nam.....	15
Thị trường hạt điều	21
Ngành điều thế giới.....	21
Sản xuất điều trong nước.....	21
Giá xuất khẩu hạt điều tháng 9/2017 giảm nhẹ.....	22
Thị trường rau quả	29
Trong nước: Giá thanh long cao kỷ lục, giá chuối giảm mạnh.....	29
Xuất khẩu rau quả tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước.....	30
THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI	34



Thị trường thế giới:

- *Gạo*: Tuần kết thúc ngày 20/10/2017, giá gạo trên thị trường châu Á biến động trái chiều khi giá gạo Ấn Độ và Việt Nam tăng, trong khi giá gạo Thái Lan giảm.

8 tháng năm 2017, Thái Lan đã xuất khẩu 7,4 nghìn tấn gạo, kim ngạch đạt 110 tỷ Baht, tăng 21,5% về lượng và tăng 13,9% về kim ngạch.

Theo dữ liệu mới nhất từ Cơ quan thống kê Philippin (PSA), 9 tháng năm 2017, lượng gạo tồn kho của nước này đã giảm 20% xuống còn 1,42 triệu tấn.

- Cao su:

Thị trường cao su thế giới từ đầu tháng 10 đến nay trầm lắng do Trung Quốc nghỉ lễ quốc khánh đến hết ngày 10/10/2017 và số liệu cho thấy tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong quý III/2017 chậm lại.

Tính đến cuối tháng 9/2017, tồn kho cao su của Trung Quốc tại kho ngoại quan Thanh Đảo tăng 1,12% so với giữa tháng 9/2017.

Theo Hiệp hội Các nước Sản xuất Cao su Tự nhiên (ANRPC), nhu cầu trên thế giới đối với cao su tự nhiên trong 9 tháng đầu năm nay đã vượt sản lượng khoảng 400.000 tấn.

- *Hạt điều*: Ngành điều toàn cầu đang phải đối mặt với tình trạng cầu vượt cung. Mặc dù nguồn cung điều thô tăng 3,5%/năm, song vẫn không thể đáp ứng tốc độ tăng 6%/năm về nhu cầu.

- Hàng rau quả:

Giá chuối mua vào tại thị trường Trung Quốc ngày 5/10 đã giảm xuống còn

1 NDT/kg (tương đương 3.425 đ/kg). Kể từ tháng 6, lượng cung chuối tại Trung Quốc đã lớn hơn nhu cầu, do đó giá liên tục giảm.

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), nguồn cung trái cam, bưởi của nước này sẽ bị thiếu hụt khoảng 10% đối với mặt hàng cam, từ 20% đến 30% đối với mặt hàng bưởi.

Thị trường trong nước:

- *Gạo*: giá lúa gạo tại ĐBSCL trong tuần tính đến ngày 19/10 ổn định đến tăng 100 - 300đ/kg. Giá lúa gạo tăng do nguồn cung trong nước đã xuống mức thấp nhất sau khi vụ Hè Thu đã thu hoạch xong, trong khi vụ Thu Đông 2017 mới thu hoạch khoảng 35%.

Tháng 9/2017, xuất khẩu gạo giảm mạnh so với tháng trước, nhưng vẫn tăng so với tháng 9/2016.

Trong kỳ từ ngày 26/9 đến ngày 11/10, xuất khẩu hầu hết các chủng loại gạo tăng so với kỳ trước đó, trừ mặt hàng gạo trắng có lượng xuất khẩu giảm, giá xuất khẩu gạo tăng.

- *Cao su*: Xuất khẩu cao su tháng 9 giảm sau 4 tháng tăng liên tiếp. Giá xuất khẩu các mặt hàng cao su chủ lực trong 15 ngày cuối tháng 9/2017 tăng nhẹ so với 15 ngày đầu tháng 9/2017, ngoại trừ cao su hỗn hợp giá giảm 2,3%.

- Hạt điều:

Do nguồn cung thiếu hụt, giá hạt điều tại thị trường trong nước tăng mạnh và hiện đang đạt mức đỉnh cao.

Trong khi đó, giá xuất khẩu hạt điều tháng 9 lại giảm nhẹ so với tháng trước đó, nhưng vẫn tăng mạnh so với cùng tháng năm trước. Xuất khẩu hạt điều sang Hà Lan tăng trưởng khả quan, trong khi xuất khẩu sang Mỹ tăng trưởng chậm, xuất khẩu sang Trung Quốc giảm.

- Hàng rau quả:

Tại thị trường trong nước: Giá thanh long tại tỉnh Tiền Giang và Long An đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Giá chuối tại Lào Cai giảm mạnh.

Kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc chiếm tới 76,7% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước.

- Tại cửa khẩu Móng Cái:

+ Xuất khẩu mặt hàng cao su tự nhiên của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đang giữ mức ổn định, với sản lượng chung đạt khoảng 19.000 tấn trong tuần từ 05/10 đến 12/10/2017.

+ Nhu cầu về các sản phẩm thủy, hải sản phơi/sấy khô của các đối tác bắt đầu tăng từ trung tuần tháng 10/2017, với khả năng có thể xuất khẩu được khoảng 2.000 tấn/tuần.

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



- Giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ, Việt Nam tăng trong khi giá gạo Thái Lan giảm.
- Tồn kho gạo của Philippin ở mức thấp. Có khả năng vào tháng 11/2017, Cơ quan Lương thực Philippin (NFA) sẽ mở thầu nhập khẩu khoảng 250.000 tấn gạo.
- Xuất khẩu gạo tháng 9/2017 giảm so với tháng trước.
- Việt Nam cung cấp 56,7% lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc.

1. Thị trường gạo châu Á

Tuần kết thúc ngày 20/10/2017, giá gạo trên thị trường châu Á biến động trái chiều khi giá gạo Ấn Độ và Việt Nam tăng, trong khi giá gạo Thái Lan giảm. Theo đó:

Giá gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ tăng 4 USD/tấn so với tuần trước đó, lên 404 - 407 USD/tấn do mưa lớn tại các khu vực sản xuất lúa gạo chính có khả năng sẽ làm hoạt động thu hoạch bị chậm lại. Theo Bộ Nông nghiệp nước này, sản lượng lúa vụ hè của Ấn Độ có thể giảm 2% xuống còn 94,48 triệu tấn.

Tại Việt Nam, giá lúa tiếp tục tăng do nguồn cung hạn chế. Dự trữ thấp, trong khi nhu cầu thu mua lúa gạo để đảm bảo việc hoàn thành các hợp đồng xuất khẩu đã ký ở mức cao, khiến giá gạo trắng 5% tấm tăng lên mức 390 - 400 USD/tấn, FOB Sài Gòn, so với mức 390 – 395 USD/tấn hồi tuần trước.

Tại Thái Lan, việc đồng Baht tăng giá đã có ảnh hưởng nhất định đến xuất khẩu gạo của nước này. Sự tăng giá đồng Baht Thái khiến giá gạo của Thái Lan trở nên đắt đỏ hơn so với các đối thủ cạnh tranh, bên cạnh đó giá gạo giảm còn do nhu cầu thị trường vẫn ở mức thấp trong bối cảnh nguồn cung tiếp tục tăng bất chấp mưa và lũ tại một số khu vực của nước này. Trong những tuần gần đây, phần lớn gạo của Thái Lan có xu hướng giảm. Tuần vừa qua, giá gạo Thái Lan tiếp tục giảm. Theo đó, giá gạo trắng 5% tấm Thái Lan tuần vừa qua chào bán ở mức 375 – 385 USD/tấn, FOB Bangkok, giảm từ 380 – 388 USD/tấn trong tuần trước đó.

Hiện nay, Thái Lan vẫn là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. 8 tháng năm 2017, Thái Lan đã xuất khẩu 7,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 110 tỷ Baht, tăng 21,5% về lượng và tăng 13,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng gạo của Thái Lan trong 8 tháng năm 2017 giảm 6,24% so với mức giá xuất khẩu cùng kỳ năm 2016.

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



Benin, Trung Quốc, Nam Phi, Camêrun... là các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2017. Xuất khẩu gạo của Thái Lan sang hầu hết các thị trường lớn trong 8 tháng năm 2017 tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu sang Iran, Bangladesh, Iraq tăng rất mạnh.

Thị trường xuất khẩu gạo chủ yếu của Thái Lan 8 tháng năm 2017

Thị trường	8 tháng năm 2017						So với 8 tháng năm 2016		
	Lượng	Kim ngạch		Giá trung bình		Tỷ trọng theo KN (%)	Lượng	Kim ngạch	Giá TB
	Nghìn Tấn	Triệu Baht	Triệu USD	Baht/tấn	USD/tấn		%	%	%
Tổng	7.396	109.991	3.295	14.872,5	446	100,0	21,5	13,9	-6,24
Benin	1.185	14.989	449	12.648,7	379	16,0	74,7	73,0	-0,97
Trung Quốc	802	12.402	372	15.467,1	463	10,8	46,1	35,7	-7,12
Nam Phi	449	5.957	178	13.257,2	397	6,1	17,8	12,5	-4,49
Camêrun	353	4.216	126	11.944,0	358	4,8	14,7	15,3	0,50
Bờ Biển Ngà	344	4.322	129	12.561,7	376	4,7	-32,2	-34,2	-3,00
Mỹ	328	8.192	245	24.945,9	747	4,4	9,1	-4,8	-12,77
Môdambic	288	3.420	102	11.859,7	355	3,9	48,7	45,1	-2,40
Ăngôla	257	3.412	102	13.252,6	397	3,5	45,6	40,6	-3,43
Iran	253	4.177	125	16.510,9	495	3,4	7.589,5	4541,1	-39,64
Philippine	240	3.039	91	12.645,4	379	3,2	62,2	61,8	-0,21
Xê-nê-gan	232	2.699	81	11.635,5	349	3,1	85,1	68,7	-8,87
Nhật Bản	214	2.755	83	12.866,9	385	2,9	2,5	-2,8	-5,22
Malaysia	184	2.543	76	13.854,0	415	2,5	-43,2	-43,1	0,18
Hồng Kông	153	3.814	114	24.934,0	747	2,1	14,4	-2,9	-15,12
Kenya	142	1.809	54	12.736,9	382	1,9	199,5	206,1	2,19
Yê-men	121	1.584	47	13.057,3	391	1,6	163,1	162,3	-0,31
Công-gô	118	1.399	42	11.887,5	356	1,6	-3,0	-1,8	1,21
Bangladesh	107	1.443	43	13.508,1	405	1,4	97.905	35975,0	-63,19
Gana	101	1.719	52	16.961,4	508	1,4	-22,7	-22,0	1,00
Singapore	87	2.066	62	23.716,1	711	1,2	4,2	-7,6	-11,40
Irắc	84	1.117	33	13.291,0	398	1,1	22371,1	15857,1	-28,99
Indônêxia	73	1.237	37	16.948,7	508	1,0	-79,2	-75,1	19,77
Tô-gô	70	938	28	13.455,4	403	0,9	88,2	77,0	-5,95
Lào	57	688	21	12.110,1	363	0,8	-66,5	-66,1	1,42
Ni-giê	55	680	20	12.268,8	368	0,7	95,3	73,0	-11,41
Canada	52	1.243	37	23.916,3	717	0,7	-3,5	-15,7	-12,70
Burkina Faso	52	585	18	11.343,6	340	0,7	636,3	479,2	-21,34

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



Thị trường	8 tháng năm 2017						So với 8 tháng năm 2016		
	Lượng	Kim ngạch		Giá trung bình		Tỷ trọng theo KN (%)	Lượng	Kim ngạch	Giá TB
	Ngàn Tấn	Triệu Baht	Triệu USD	Baht/tấn	USD/tấn		%	%	%
Papua New Guinea	51	967	29	18.897,1	566	0,7	-30,0	-29,4	0,92
Australia	50	1.215	36	24.481,7	733	0,7	5,7	-2,6	-7,82
Pêru	50	668	20	13.484,9	404	0,7	194,9	183,1	-4,02
Thổ Nhĩ Kỳ	44	572	17	13.086,8	392	0,6	72,0	46,7	-14,71
Ả Rập Xê út	43	839	25	19.630,3	588	0,6	-9,4	-20,3	-12,03
UAE	38	578	17	15.136,0	453	0,5	34,1	17,0	-12,73
Tandania	37	490	15	13.121,3	393	0,5	177,8	188,2	3,75
Anh	37	693	21	18.771,3	562	0,5	-10,3	-15,8	-6,15
Ixraen	37	805	24	21.939,4	657	0,5	6,7	-8,4	-14,14
Gabông	36	755	23	20.805,2	623	0,5	5,8	-9,1	-14,10
Nga	30	414	12	13.967,1	418	0,4	50,8	38,5	-8,20
Bi	27	503	15	18.293,6	548	0,4	-21,3	-31,5	-12,91
Angiêri	27	354	11	12.923,5	387	0,4	20,1	16,4	-3,06

Nguồn: Hiệp hội xuất khẩu gạo Thái Lan

Tỷ giá (BAHT / 1 US DOLLAR)=33,3781 tuần 11/10/2017 (Nguồn: Bank of Thailand (BOT))

2. Thị trường trong nước

Về sản xuất:

Tính đến ngày 19/10/2017, theo Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL xuống giống vụ Hè Thu 2017 được 1,640 triệu ha/1,660 triệu ha diện tích kế hoạch, thu hoạch dứt điểm với năng suất khoảng 5,5 tấn/ha; vụ Thu Đông xuống giống khoảng 800.000/810.000 ha diện tích kế hoạch, thu hoạch khoảng 290.000 ha, năng suất khoảng 5,3-5,4 tấn/ha.

Diễn biến giá: Trong tuần tính đến ngày 19/10/2017, giá lúa gạo tại thị trường khu vực ĐBSCL ổn định đến tăng. Theo đó, giá lúa khô tại kho khu vực ĐBSCL loại thường dao động từ 5.900 – 6.000 đ/kg, tăng 300 đ/kg so với tuần trước, lúa dài khoảng 5.900 - 6.000 đ/kg, ổn định so với tuần trước đó. Giá gạo nguyên liệu loại 1 làm ra gạo 5% tấm giao dịch khoảng 7.700 – 7.800 đ/kg tùy từng địa phương, tăng 350 đ/kg, trong khi đó gạo nguyên liệu làm ra gạo 25% tấm là 7.500

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



– 7.600 đ/kg tùy chất lượng và địa phương, tăng 300 đ/kg. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì tại mạn hiện khoảng 8.600 – 8.700 đ/kg, tăng 100 đ/kg, gạo 15% tấm 8.350 – 8.450 đ/kg, tăng 100 đ/kg và gạo 25% tấm khoảng 8.100 – 8.200 đ/kg tùy chất lượng và địa phương, tăng 100 đ/kg so với tuần trước.

Sau khi thu hoạch xong vụ Hè Thu, nguồn cung lúa gạo trong nước đã xuống mức thấp nhất, trong khi vụ Thu Đông 2017 mới thu hoạch khoảng 35%, đó là lý do đẩy giá lúa gạo tăng lên.

3. Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 9/2017 đạt 515,76 nghìn tấn, trị giá 236,37 triệu USD, giảm 21,6% về lượng và 17,3% về trị giá so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 7,1% về lượng và 9,6% về trị giá so với tháng 9/2016. Lũy kế đến hết tháng 9/2017, lượng gạo xuất khẩu đạt 4,61 nghìn tấn, trị giá 2,04 tỷ USD, tăng 22% về lượng và tăng 20,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Như vậy so với mục tiêu đề ra là năm 2017 xuất khẩu gạo đạt 5,7 triệu tấn, thì trong 3 tháng cuối năm chỉ cần đạt 1,1 triệu tấn là hoàn thành mục tiêu. Xuất khẩu gạo tăng so với cùng kỳ năm 2016 nhờ sự tăng trưởng xuất khẩu tới hàng loạt các thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Malaysia, Philippin, Bangladesh, theo cả hợp đồng tập trung và hợp đồng thương mại. Cụ thể, với thị trường Malaysia, đã ký được các hợp đồng tập trung với tổng khối lượng 150.000 tấn với Bangladesh đã ký được các hợp đồng tập trung 250.000 tấn; với Philippin, 4 doanh nghiệp Việt Nam đã trúng thầu cung cấp 175.000 tấn gạo. Trong đó, gạo xuất khẩu đi Trung Quốc chủ yếu là gạo nếp, gạo trắng, gạo thơm và tấm; gạo 5% tấm xuất khẩu đi Bangladesh; gạo 25% tấm đi Philippin; gạo thơm đi châu Phi; gạo Japonica đi châu Úc...

Triển vọng xuất khẩu các tháng cuối năm:

Với dự báo các nước nhập khẩu, đặc biệt là Philippin sẽ mua thêm gạo với số lượng lớn trong những tháng cuối năm, trong khi nguồn cung trong nước hạn hẹp sẽ là yếu tố hỗ trợ thị trường gạo trong nước. Bên cạnh đó, nhu nhập khẩu gạo nếp của Trung Quốc cũng đang có xu hướng tăng.

Theo nguồn tin từ Philippin, có khả năng vào tháng 11/2017, Cơ quan Lương thực Philippin (NFA) sẽ mở thầu nhập khẩu khoảng 250.000 tấn, nhưng cũng

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



có thông tin cho hay có khả năng Chính phủ Philippin sẽ nâng khối lượng thầu lần này lên 500.000 tấn, và điều kiện mở thầu rộng rãi hơn trước, thay vì trước đây lượng gạo thấp nhất cho 1 gói thầu là 25.000 tấn/gói, sắp tới có thể xuống còn 10.000 tấn/gói, nhằm thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia và mức độ cạnh tranh sẽ cao hơn có lợi cho Philippin. Philippin có khả năng đẩy mạnh nhập khẩu trong bối cảnh tồn kho trong nước ở mức thấp. Theo dữ liệu mới nhất từ Cơ quan thống kê Philippin (PSA), 9 tháng năm 2017, lượng tồn kho gạo của nước này đã giảm 20% xuống còn 1,42 triệu tấn. Khối lượng này thấp hơn mức 1,78 triệu tấn được ghi nhận một năm trước và thấp hơn 30% so với mức 2,02 triệu tấn trong tháng 8/2017. Theo PSA, lượng tồn kho này sẽ đủ cho người Philippin trong 40 ngày. Lượng tồn kho trong các hộ gia đình là đủ trong 20 ngày, trong kho thương mại đủ dùng cho 20 ngày. Trong khi đó, tại Cơ quan Quản lý Thực phẩm Quốc gia NFA khối lượng chỉ có đủ dùng trong 2 ngày, khối lượng gạo đệm dự kiến đủ dùng cho 15 ngày.

Các kho thương mại và hộ gia đình chiếm lần lượt là 48% và 47% tổng lượng gạo tồn kho của Philippin. Nguồn cung cấp từ các kho hàng của NFA chiếm 5% trong tổng số.

Mặc dù triển vọng xuất khẩu gạo rất lớn, nhưng ngành gạo Việt Nam còn phải đối mặt với một số rủi ro khi diễn biến thời tiết phức tạp như bão lũ, thiên tai, hạn hán sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất trong nước; cùng với đó là những rào cản từ thị trường sẽ có tác động đáng kể đến xuất khẩu gạo, đặc biệt là rào cản từ thị trường lớn nhất Trung Quốc. Mặc dù nhu cầu tiêu thụ gạo rất lớn nhưng Trung Quốc luôn giữ chủ trương bảo hộ sản xuất nội địa, nên hoạt động nhập khẩu được kiểm soát rất nghiêm ngặt, nhất là trong việc cấp quota nhập khẩu gạo.

Dung lượng thị trường và thị phần gạo Việt Nam tại Trung Quốc

Theo Trung tâm Thông tin Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng năm 2017 Việt Nam là thị trường cung cấp gạo lớn nhất cho Trung Quốc, thị phần tiếp tục được cải thiện khi tăng từ 47,3% trong 8 tháng năm 2016 lên 56,7% trong 8 tháng năm 2017. Theo đó, lượng gạo Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam 8 tháng 2017 đạt 1,5 triệu tấn, trị giá 685,8 triệu USD, tăng 37,2% về lượng và tăng 36% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh tăng nhập khẩu từ Việt Nam, Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



cũng đẩy mạnh nhập khẩu gạo từ Thái Lan và Campuchia trong 8 tháng năm 2017, trong khi giảm nhập khẩu từ Pakistan và Myanmar.

Nhìn chung, nhu cầu nhập khẩu gạo của Trung Quốc trong thời gian tới sẽ tiếp tục ở mức cao do giá gạo nội địa cao trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng. Tình hình xuất khẩu gạo đi Trung Quốc đã xuất hiện tín hiệu lạc quan bởi các thương gia Trung Quốc đã bắt đầu nhập khẩu trở lại gạo nếp. Điều này cho thấy khả năng hàng trăm nghìn tấn gạo nếp đang tồn trong kho sẽ được giải phóng.

Nguồn cung gạo cho Trung Quốc 8 tháng năm 2017

Thị trường	8 tháng năm 2017			So với 8 tháng năm 2016			Tỷ trọng theo lượng 8 tháng	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Đơn giá (USD/Tấn)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Đơn giá (%)	Năm 2017 (%)	Năm 2016 (%)
Tổng	2.663.364	1.206.741	453	14,4	15,2	0,7	100,0	100,0
Việt Nam	1.510.160	685.817	454	37,2	36,0	-0,8	56,7	47,3
Thái Lan	826.153	390.251	472	39,2	30,4	-6,3	31,0	25,5
Campuchia	107.280	55.154	514	72,9	43,4	-17,0	4,0	2,7
Pakistan	155.898	50.403	323	-69,7	-72,4	-8,9	5,9	22,1
Myanmar	40.649	14.491	356	-10,8	-11,3	-0,6	1,5	2,0
Lào	19.370	8.734	451	71,6	81,6	5,8	0,7	0,5
Nga	3.418	902	264	267,1	287,5	5,6	0,1	0,0
Nhật Bản	162	559	3.444	49,8	6,6	-28,9	0,0	0,0

Nguồn: Custom-info

Tình hình xuất khẩu gạo kỳ từ ngày 26/9 đến 11/10/2017

Theo thống kê sơ bộ, trong kỳ từ ngày 26/9 đến ngày 11/10/2017, khối lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 242,4 nghìn tấn, trị giá 113,5 triệu USD, giảm 0,8% về lượng nhưng lại tăng 5,2% so với kỳ từ ngày 12 đến ngày 27/9/2017.

Hầu hết các mặt hàng gạo trong kỳ xuất khẩu đều tăng về lượng và kim ngạch so với kỳ trước, trừ mặt hàng gạo trắng. Gạo trắng dẫn đầu về khối lượng xuất khẩu gạo trong kỳ đạt 105,1 nghìn tấn, giảm 26,3%; kim ngạch đạt 45,1 triệu USD, giảm 24,9% so với kỳ trước. Tiếp theo là các mặt hàng gạo khác như: gạo nếp với lượng xuất khẩu đạt 74 nghìn tấn, tăng 4,6%; lượng gạo thơm đạt 62,6 nghìn tấn, tăng 101,9%; lượng gạo lứt đạt 210 tấn, tăng 1,650% so với kỳ trước.

Về giá xuất khẩu, các mặt hàng gạo chính xuất khẩu trong kỳ đều tăng về giá. Trong đó, giá xuất khẩu trung bình mặt hàng gạo trắng đạt 429,4 USD/tấn, tăng 1,9%; Gạo nếp giá trung bình đạt 437 USD/tấn, tăng 2,4%; Gạo thơm giá trung

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



bình đạt 571,3 USD/tấn, tăng 0,9% so với kỳ trước. Bên cạnh đó, giá xuất khẩu trung bình mặt hàng gạo lứt giảm mạnh trong kỳ.

Chủng loại gạo xuất khẩu trong kỳ từ ngày 26/9 đến 11/10/2017

Đơn vị tính: Lượng: tấn; trị giá Nghìn USD; Giá TB: USD/tấn

Tên hàng	Kỳ xuất khẩu từ 26/9 - 11/10/2017			So với kỳ từ 12 - 27/9/2017 (%)		
	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Gạo trắng	105.082	45.122	429,4	-26,3	-24,9	1,9
5% tấm	75.633	33.761	446,4	21,6	20,6	-0,9
loại khác	12.878	5.334	414,2	122,3	121,8	-0,2
100% tấm	7.000	2.323	331,8	57,5	53,9	-2,3
15% tấm	4.874	1.826	374,6	-74,5	-74,3	0,8
25% tấm	3.523	1.272	361,2	-92,4	-93,2	-10,5
4% tấm	410	205	499,7	-37,3	-25,6	18,7
3% tấm	252	149	591,1	-89,7	-89,2	5,4
10% tấm	274	123	448,6	-64,4	-61,4	8,5
2% tấm	138	93	673,3	200,0	197,1	-1,0
35% tấm	100	36	358,2	-75,0	-74,9	0,4
Gạo nếp	74.010	32.339	437,0	4,6	7,1	2,4
10% tấm	61.145	26.752	437,5	-1,7	0,5	2,3
loại khác	6.507	2.867	440,6	12,8	16,3	3,1
100% tấm	4.250	1.686	396,8	63,5	62,6	-0,5
15% tấm	1.300	560	430,8			
5% tấm	808	474	586,5	2.592,1	3.281,2	25,6
Gạo thơm	62.551	35.733	571,3	101,9	103,6	0,9
5% tấm	58.489	33.915	579,9	107,3	110,8	1,7
loại khác	3.419	1.428	417,9	292,8	289,1	-0,9
4% tấm	326	190	581,8	-70,0	-70,4	-1,3
3% tấm	194	117	606,1	-66,1	-63,4	7,7
10% tấm	61	40	652,5	-7,3	-4,6	2,9
15% tấm	41	27	670,0	100,0	100,0	0,0
2% tấm	22	15	670,0	-78,0	-74,5	16,1
Gạo lứt	210	99	473,6	1.650,0	1.313,8	-19,2
4% tấm	200	96	477,5			
5% tấm	10	4	396,0	-16,7	-43,7	-32,5
Gạo đỏ	500	202	404,0			
5% tấm	500	202	404,0			
Tổng	242.353	113.495	468,3	-0,8	5,2	6,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



**Tham khảo giá một số lô gạo xuất khẩu trong kỳ
từ ngày 26/9 đến ngày 11/10/2017**

Mặt hàng	Lượng (tấn)	Đơn giá (USD/tấn)	Thị trường	Cảng - cửa khẩu	Mã GH
Gạo trắng Việt Nam giống Nhật 5% tấm, đóng trong 50 bao PP 30kg nhãn bao (06 bao PE x 5kg = 30kg)	1,5	1.040,0	Campuchia	Bình Phước	EXW
Gạo trắng Việt Nam giống Nhật 5% tấm, đóng trong 800 bao PP 20kg	16,0	991,0	Qata	Cảng Vict	CIF
Gạo giống Nhật (Akitakomachi) sản xuất tại Việt Nam, đóng bao 50kg.	44,0	966,0	Malaysia	Cảng xanh vip	CFR
Nếp than 5% tấm. Đóng trong bao PP tịnh 5kgs/bao. NW 3,00 MTS.	3,0	950,0	Singapore	Cát Lái	FOB
Nếp 5% tấm. Đóng trong bao 2kgs/bao, 6 bao 2kgs đóng trong 1 thùng carton tịnh 12kgs/ thùng. NW 4,20 MTS.	4,2	932,0	Canada	Cát Lái	FOB
Gạo hạt ngắn takumi blue tịnh 5kg/túi sản xuất tại việt nam.	0,9	876,0	Nhật Bản	Đình Vũ	FOB
Gạo thơm (Jasmine) max 5% tấm; packing: 25kg/bao	40,0	773,0	Hồng Kông	Phước Long 3	C&F
Gạo japonica 5% tấm, đóng bao pa/pe tịnh 1kg, 20 bao pa/pe đóng vào 1 bao master	61,3	750,0	Singapore	Cát Lái	FOB
Gạo Jasmine 5% Tấm (Bao 5kg x 5)	22,0	750,0	Li Bằng	Cát Lái	CIF
Gạo trắng Jasmine Việt Nam 5% tấm, đóng trong 200 bao PP 20kg	4,0	741,0	Qata	Cảng Vict	CIF
Gạo thơm (Jasmine) max 5% tấm; packing: 5lbs/bao x 8bao/thùng	40,0	739,0	Hồng Kông	Tây Nam	FOB
Gạo Jasmine 5% Tấm (Bao 1kg x 20)	21,0	722,4	Gana	Cát Lái	CIF
Gạo thơm 5% tấm đóng bao 25 kgs/bao	21,5	720,0	Nam Phi	Cát Lái	CIF
Gạo Nếp 5% tấm, đóng đồng nhất trong bao PP 1kg x 20 / master bag	3,0	710,0	Ả Rập Xê út	Cát Lái	C&F
Gạo hạt tròn 5% tấm đóng bao 10 kgs	3,0	705,0	Mayotte	Cát Lái	CIF
Nếp 5% tấm, đóng đồng nhất trong bao PP 1Kg x 40 sticker bags/master bag	18,6	700,0	Baren	Cát Lái	C&F
Gạo hạt tròn 5% tấm đóng bao 25 kgs	26,0	695,7	Trung Quốc	Phước Long 3	CFR

THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO



Mặt hàng	Lượng (tấn)	Đơn giá (USD/tấn)	Thị trường	Cảng - cửa khẩu	Mã GH
Gạo jasmine 5 % tằm, 5 Lbs Ziplock x 6/ctn, Parrot brand	49,0	685,0	Mỹ	Cát Lái	FOB
Gạo jasmine 5% tằm. 4 bao pa/pe 5kgs đóng trong 1 bao 20kgs.	23,0	683,0	Các TVQ Ả Rập thống nhất	Cát Lái	C&F
Gạo Jasmine 5% Tằm (Bao 5kg x 5)	70,5	677,8	Gana	Cát Lái	CIF
Gạo Jasmine 5% tằm (456 bao 10x2 kg/bao)	9,1	667,5	Thái Lan	Cảng Vict	FOB
Gạo trắng 5% tằm (Vietnam Jasmine Rice 5% Broken), hàng mới 100%, đóng gói 50kg/ bao,	16,0	645,0	Bêlarút	Cát Lái	FOB
Gạo Thom 5% tằm (2300 bao, 10kg/bao)	23,0	635,0	Reunion	Cát Lái	FOB
Gạo thơm Việt Nam 5% tằm,	61,2	605,0	Campuchia	Cát Lái	FOB
Gạo jasmine 5 % tằm, 20 Lbs, Reina brand	40,8	601,0	Mỹ	Hiệp Phước	FOB
Gạo jasmine 5% tằm, hàng đóng trong bao pa/pe 5kgs, 5 bao pa/pe 5kgs trong 1 bao 25kgs.	5,7	600,0	Trung Quốc	Tây Nam	FOB
Gạo japonica hạt ngắn 3% tằm , đóng bao pa/pe tịnh 5kg, 8 bao pa/pe đóng vào 1 bap pp master.	59,5	555,0	Mông Cổ	Cát Lái	FOB
Gạo Medium grain 5% tằm (2000 bao, 25 kg/ bao)	50,0	538,0	Kô-eot	Cát Lái	CFR
Gao Jasmine 5% tam (+/-5%), đóng bao 45kg/Bao.	182,1	536,0	Phigi	Cát Lái	FOB
Gạo Trắng 5% Tằm (bao 5kg x 5)	47,5	535,0	Xâysen	Cảng Vict	CFR

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG CAO SU



- Thị trường cao su thế giới trầm lắng do Trung Quốc nghỉ lễ quốc khánh và số liệu cho thấy tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại.
- Nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu trong 9 tháng năm 2017 đã vượt sản lượng khoảng 400 nghìn tấn.
- Giá xuất khẩu các mặt hàng cao su chủ lực trong 15 ngày cuối tháng 9/2017 tăng nhẹ, trừ cao su hỗn hợp giảm 2,3%.
- Tháng 9/2017, lượng cao su xuất khẩu giảm sau 4 tháng tăng liên tiếp.
- Thị phần cao su của Việt Nam tại Trung Quốc và Hàn Quốc tăng.

1. Thị trường thế giới

Thị trường cao su thế giới từ đầu tháng 10 đến nay trầm lắng do Trung Quốc nghỉ lễ quốc khánh đến hết ngày 10/10/2017 và số liệu cho thấy tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong quý III/2017 chậm lại. Theo đó, giá cao su trên thị trường tuần kết thúc ngày 20/10 biến động theo xu hướng giảm, cụ thể:

+ Tại Nhật Bản, kết thúc phiên giao dịch ngày 20/10/2017, giá chào bán cao su RSS 3 giao kỳ hạn tháng 11/2017 giảm khoảng 3% so với cuối tuần trước đó, giao dịch ở mức 196,2 JPY/kg (tương đương 1,74 USD)/kg.

+ Tại Thái Lan, giá cao su RSS 3 giao tháng 11/2017 giảm 9,7% so với cuối tuần trước, xuống còn 44,4 THB/kg.

+ Trên sàn giao dịch Thượng Hải - Trung Quốc, giá cao su thiên nhiên giao tháng 11/2017 giảm xuống mức thấp nhất gần 3 tháng rưỡi trong ngày 17/10. Giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải kết thúc tuần giảm 0,9% so với cuối tuần trước đó, giao dịch ở mức 11.214 NDT/tấn. Giá cao su tại Thượng Hải - Trung Quốc giảm do tồn kho cao su ở mức cao và tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc chậm lại. Tính đến cuối tháng 9/2017, tồn kho cao su của Trung Quốc tại kho ngoại quan Thanh Đảo tăng nhẹ 1,12% so với giữa tháng 9/2017 nhưng vẫn giảm 8,6% so với cuối tháng 8/2017. Trong đó, tồn kho cao su tại kho ngoại quan Trung Quốc giảm đối với cao su thiên nhiên (giảm 3,8%) và tăng đối với cao su tổng hợp (tăng 13,2%).

THỊ TRƯỜNG CAO SU



Lượng cao su tồn kho tại Thanh Đảo (Trung Quốc) tính đến ngày 30/9/2017

Đơn vị tính: Tấn

Chủng loại	Tồn kho đến ngày 15/9/2017	Tồn kho đến ngày 30/9/2017	Thay đổi (tấn)	Tỷ lệ (%)
Cao su thiên nhiên	130.200	125.300	-4.900	-3,8
Cao su hỗn hợp	4.000	4.000	0	0,0
Cao su tổng hợp	53.000	60.000	7.000	13,2
Tổng	187.200	189.300	2.100	1,1

Nguồn: Nguồn: sci99.com

9 tháng năm 2017, những yếu tố tiêu cực như dự trữ cao su ở mức cao, đồng Yên Nhật Bản mạnh và sự biến động của thị trường dầu thô đã ảnh hưởng tới giá cao su tự nhiên, dù nguồn cung thiếu hụt. Giá cao su tự nhiên phục hồi trong tháng 8, nhưng lại quay đầu giảm trong 2 tuần cuối của tháng 9 do lượng cao su tồn kho và hoạt động bán tháo lan rộng. Về cung – cầu, theo Hiệp hội Các nước Sản xuất Cao su Tự nhiên (ANRPC), nhu cầu trên thế giới đối với cao su tự nhiên trong 9 tháng đầu năm nay đã vượt sản lượng khoảng 400.000 tấn. Cụ thể, sản xuất cao su tự nhiên trong 9 tháng đầu năm 2017 đạt 9,24 triệu tấn, so với tổng nhu cầu là 9,64 triệu tấn. Trong khi đó, tăng trưởng sản xuất cao su tự nhiên trung bình của các quốc gia thành viên ANRPC là 5,4%, so với 8,77 triệu tấn sản xuất trong 9 tháng năm 2016. Campuchia là quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, đạt 31,5%. Trong khi Thái Lan, quốc gia sản xuất cao su tự nhiên lớn nhất thế giới, có mức tăng trưởng thấp nhất, chỉ 1,3%. ANRPC ước tính nguồn cung cao su tự nhiên toàn cầu trong năm 2017 là 12,88 triệu tấn, tăng 5,1% so với tổng sản lượng 12,26 triệu tấn của năm 2016.

Thị trường trong nước

Diễn biến giá cả: Giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tiếp tục giảm trong những ngày đầu tháng 10/2017. Cụ thể ngày 11/10/2017, Công ty cao su Lộc Ninh đã ra thông báo giá thu mua mủ cao su giảm 5 Đ/độ TSC ở cả giá thu mua tại vườn và nhà máy, đạt lần lượt 275 Đ/độ

THỊ TRƯỜNG CAO SU



TSC và 280 Đ/độ TSC (trước đó hồi đầu tháng 10/2017 giá đạt 280 Đ/độ TSC và 290 Đ/độ TSC). Bên cạnh đó, giá thu mua mủ tạp cũng giảm 600 đồng/kg đối với mủ chén dây khô xuống còn 12.500 đ/kg tươi; giảm 300 đồng mủ chén dây ướt đạt 8.800 đ/kg tươi và mủ chén dây vừa giảm 400 đồng xuống còn 10.100 đ/kg tươi.

Do ảnh hưởng của cơn bão số 10, hàng nghìn ha cao su ở tỉnh Quảng Trị bị gãy, đổ, khiến nhiều người trồng cao su trắng tay, thiệt hại ước tính lên đến hàng trăm tỷ đồng... Theo UBND tỉnh Quảng Trị, trồng cây cao su là một chủ trương đúng đắn của tỉnh, góp phần thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn, các xã vùng sâu, vùng xa. Vì vậy tỉnh vẫn phát triển cây cao su nhưng phát triển có quy hoạch, theo hướng an toàn, bền vững.

Tham khảo giá cao su nguyên liệu tại Bình Phước

Giá cao su nguyên liệu	Ngày 3/10/2017	Ngày 11/10/2017	So với ngày 3/10/2017 (%)
Mủ cao su tại vườn	285 Đ/độ TSC	275 Đ/độ	-1,8
Mủ cao su tại nhà máy	290 Đ/độ TSC	280 Đ/độ	-3,4
Mủ chén, dây khô	13.100 đ/kg	12.500 đ/kg	-4,6
Mủ chén ướt	9.100 đ/kg tỷối	8.800 đ/kg tươi	-3,3
Mủ chén, dây vừa	10.500 đ/kg tỷối	10.100 đ/kg tươi	4,0

Tình hình xuất khẩu cao su của Việt Nam

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan tháng 9/2017, lượng cao su xuất khẩu đạt 150,3 nghìn tấn, trị giá 240,8 triệu USD, giảm 12,4% về lượng và giảm 8,4% về trị giá so với tháng trước đó, nhưng lại tăng 0,4% về lượng và 26,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là tháng giảm đầu tiên sau 4 tháng tăng liên tiếp. Lũy kế 9 tháng năm 2017, lượng cao su xuất khẩu đạt 955,68 nghìn tấn, trị giá 1,62 tỷ USD, tăng 10,6% về lượng và tăng 49,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG CAO SU



Trung Quốc là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất trong tháng 9 và 9 tháng năm 2017. Theo thống kê, tháng 9/2017, lượng cao su xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 100 nghìn tấn, trị giá 162,2 triệu USD, tăng 7,1% về lượng và tăng 36,7% về trị giá so với tháng 9/2016. Lũy kế 9 tháng năm 2017, lượng cao su xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 609,4 nghìn tấn, trị giá 1,02 tỷ USD, tăng 22,2% về lượng và tăng 66% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, xuất khẩu cao su sang 2 thị trường lớn tiếp theo là Malaysia và Ấn Độ lại giảm với tốc độ giảm trong 9 tháng năm 2017 lần lượt là 11,5% và 45,2% về lượng so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường xuất khẩu cao su tháng 9 và 9 tháng năm 2017

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 9/2017		So với tháng 9/2016 (%)		9 tháng năm 2017		So với 9 tháng năm 2016 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Trung Quốc	100.215	162.182	7,1	36,7	609.431	1.028.654	22,2	66,0
Malaysia	11.834	18.303	-1,2	25,0	60.053	93.560	-11,5	14,7
Ấn Độ	5.971	9.514	-48,9	-38,3	38.590	64.944	-45,2	-30,8
Hàn Quốc	3.623	6.124	2,8	27,0	33.028	62.702	19,8	68,9
Đức	3.085	5.294	-12,9	7,3	27.028	49.766	6,3	51,2
Đài Loan	2.943	4.820	14,6	37,7	18.807	34.615	1,7	37,3
Mỹ	2.557	3.801	-28,4	-10,0	26.304	41.265	11,9	46,5
Thổ Nhĩ Kỳ	2.357	3.500	16,5	40,4	18.152	31.229	18,9	67,5
Indonesia	1.956	2.880	74,2	101,6	10.256	17.330	26,8	66,7
Braxin	1.659	2.338	-25,0	-2,8	7.827	12.225	-22,4	10,1
Italia	1.355	2.018	-7,3	11,6	11.180	19.297	12,7	63,7
Hà Lan	1.258	2.050	-17,8	2,7	10.607	17.607	35,4	67,8
Nhật Bản	945	1.714	-3,9	14,1	8.406	17.024	4,5	42,0
Tây Ban Nha	882	1.343	-26,7	-12,0	8.657	15.423	2,7	47,4
Bỉ	837	1.054	7,2	22,2	6.540	9.302	36,9	85,0
Canada	664	1.115	-10,9	10,0	2.815	5.171	-5,2	23,3

THỊ TRƯỜNG CAO SU



Thị trường	Tháng 9/2017		So với tháng 9/2016 (%)		9 tháng năm 2017		So với 9 tháng năm 2016 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Pakixtan	627	984	37,2	64,0	2.825	4.644	-29,5	-7,7
Cộng Hoà Séc	585	1.002	263,4	378,9	1.774	3.203	24,1	83,6
Nga	558	879	-36,8	-23,7	4.556	8.053	-33,2	-10,3
Pháp	404	696	-13,7	-0,4	2.385	4.781	-7,7	30,5
Thụy Điển	282	446	16,5	42,0	1.010	1.702	-24,1	-1,3
Hồng Kông	239	405	497,5	694,5	1.336	2.530	29,2	94,6
Phần Lan	121	217			988	2.081	104,1	243,7
Mexico	120	204	-40,0	-25,8	1.210	2.200	-2,1	28,5
Anh	81	136	-49,7	-36,6	1.136	2.192	-18,3	27,9
Achentina	80	123	-50,3	-45,5	1.510	2.806	-6,2	37,8
Singapore	20	32	0,0	15,8	218	330	235,4	288,7
Ukraina	20	35	0,0	18,0	179	332	27,9	63,0

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu cao su sẽ thuận lợi trong các tháng cuối năm

Trong thời gian tới, xuất khẩu cao su của nước ta sẽ tiếp tục thuận lợi bởi nhu cầu cao su của Trung Quốc đang có xu hướng tăng khi nền kinh tế nước này đã có những diễn biến tích cực. Trong khi đó tồn kho cao su của Trung Quốc liên tục giảm trong thời gian gần đây và quý IV/2017 cũng thường là tháng cao điểm về nhập khẩu cao su của nước này. Bên cạnh đó, cao su Việt Nam cũng đang ngày càng chứng tỏ lợi thế tại thị trường Hàn Quốc nhờ lộ trình giảm thuế theo Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc.

Dung lượng thị trường và thị phần cao su Việt Nam tại Trung Quốc và Hàn Quốc

- Trung Quốc: Hiện Trung Quốc đang là nhà tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới, theo thống kê của Hải quan Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 12,33 tỷ USD, tăng 48% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 5 về cung cấp cao su cho Trung

THỊ TRƯỜNG CAO SU



Quốc với kim ngạch tăng 71,7% so với cùng kỳ năm trước. 8 tháng đầu năm 2017, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đã tăng lên đạt 7,3% so với mức 6% của tháng 8 tháng đầu năm 2016. Trong khi đó, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ một số thị trường giảm như: Nhật Bản, Mỹ, Đức, Pháp...

Nhập khẩu cao su và sản phẩm từ cao su của Trung Quốc 8 tháng năm 2017

Thị trường	8 tháng năm 2016		8 tháng năm 2017		Thị phần (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Lượng (tấn)	Trị giá	8T/2016	8T/2017
Thái Lan	1.697.731	2.323.282.735	1.880.319	3.697.617.860	27,9	30,0
Malaysia	465.719	706.137.138	623.472	1.276.898.529	8,5	10,4
Nhật Bản	182.442	933.997.134	182.935	1.022.553.991	11,2	8,3
Indonesia	193.832	273.558.192	471.739	911.762.265	3,3	7,4
Việt Nam	396.527	523.845.906	500.858	905.352.492	6	7,3
Mỹ	190.247	714.589.389	203.126	804.311.911	8,6	6,5
Đức	77.630	520.224.060	95.134	650.822.293	6,2	5,3
Hàn Quốc	232.629	560.669.801	232.682	631.965.537	6,7	5,1
Đài Loan	63.881	201.932.431	62.750	306.943.799	2,4	2,5
Singapore	61.993	157.795.539	97.404	264.419.169	1,9	2,1
Nga	105.314	142.537.876	127.682	248.290.053	1,7	2,0
Pháp	43.667	178.228.093	45.263	208.300.736	2,1	1,7
Italia	18.395	111.455.679	20.102	130.819.263	1,3	1,1
Anh	27.903	122.140.654	29.339	129.696.786	1,5	1,1
Ba Lan	6.805	68.731.747	34.791	100.670.055	0,8	0,8
Tổng	3.998.665	8.338.226.134	4.893.554	12.337.142.684	100	100

Nguồn: Custom-info

- Hàn Quốc: Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hàn Quốc trong thời gian tới tiếp tục phục hồi do nhu cầu nhập khẩu của nước này vẫn ở mức cao. Theo cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 9 tháng đầu năm 2017 nhập khẩu

THỊ TRƯỜNG CAO SU



cao su của Hàn Quốc tăng 11,4% về lượng và tăng 23,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 7 về cung cấp cao su cho Hàn Quốc với kim ngạch tăng 66,9% so với cùng kỳ năm 2016. 9 tháng đầu năm 2017, thị phần nhập khẩu cao su của Hàn Quốc từ Việt Nam đã tăng lên đạt 5,2% so với mức 3,8% của 9 tháng đầu năm 2016. Trong khi đó, thị phần nhập khẩu cao su của Hàn Quốc từ một số thị trường giảm như: Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Singapore...

Thị trường cung cấp cao su và sản phẩm cao su cho Hàn Quốc 9 tháng năm 2017

Thị trường	9 tháng 2016		9 tháng 2017		Thị phần 9 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Năm 2016	Năm 2017
Trung Quốc	92.190	276.073	116.858	339.525	16,1	15,9
Nhật Bản	59.357	258.921	60.355	282.742	15,1	13,3
Indonesia	121.150	185.526	154.297	291.424	10,8	13,7
Thái Lan	139.394	224.469	126.322	276.828	13,1	13,0
Mỹ	51.665	160.244	68.682	197.862	9,3	9,3
Đức	20.233	108.199	27.629	132.068	6,3	6,2
Việt Nam	35.894	66.078	46.998	110.205	3,8	5,2
Pháp	14.134	49.270	14.197	51.976	2,9	2,4
Malaysia	22.305	60.213	25.919	76.710	3,5	3,6
Singapore	11.039	32.541	13.900	43.972	1,9	2,1
Tổng	738.147	1.719.218	821.963	2.130.966	100	100

Nguồn: Hải quan Hàn Quốc

Xuất khẩu các sản phẩm từ cao su của Ấn Độ có thể tăng hơn 10%

Do nhu cầu tăng mạnh từ Mỹ và EU, xuất khẩu các sản phẩm từ cao su của Ấn Độ có thể tăng hơn 10% trong năm tài khóa 2017 - 2018. Hơn 6.000 cơ sở sản xuất tham gia vào hoạt động sản xuất - kinh doanh khoảng 35.000 các sản phẩm cao su chế tạo cho các ứng dụng trong đường sắt, quốc phòng, tàu ngầm, các đường cao

THỊ TRƯỜNG CAO SU



cấp và các ngành khác. Trong đó, có khoảng 100 doanh nghiệp sản xuất lớn, 3.000 doanh nghiệp cỡ vừa đã đầu tư để hiện đại hóa các nhà máy công nghệ cũ, nhằm đáp ứng nhu cầu từ Mỹ và EU. Các công ty này hợp tác chặt chẽ với những tập đoàn lớn toàn cầu, bao gồm 3M, Dupont, Sabic - vốn đã đặt các trung tâm nghiên cứu tại Ấn Độ, để mang đến công nghệ hiện đại trong sản xuất cao su tổng hợp để cải thiện tính hiệu quả.

Phần còn lại là các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nhưng tiếp tục tập trung vào thị trường nước ngoài, bằng cách phụ trợ cho các doanh nghiệp lớn để duy trì hoạt động do thiếu năng lực đầu tư. Các cơ sở quy mô nhỏ này tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức để tăng quy mô năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu khách hàng.

Theo số liệu tổng hợp của Tổng cục Thống kê và Thông tin Thương mại (DGCIS) thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, xuất khẩu các sản phẩm từ cao su của Ấn Độ (không bao gồm cao su tự nhiên và các sản phẩm không phải lốp xe) năm 2016 - 2017 tăng 14% so với năm 2015 - 2016.

Mỹ và EU chiếm tổng cộng 70% tổng xuất khẩu các sản phẩm cao su của Ấn Độ. Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu Ấn Độ đang tìm cách tăng thị phần trên thị trường thế giới lên 5% trong những năm tới, từ mức 1,48% hiện nay, so với thị phần 11% của Trung Quốc.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



- Giá thu mua hạt điều tại thị trường nội địa tăng
- Giá xuất khẩu hạt điều tháng 9/2017 giảm nhẹ.
- Xuất khẩu hạt điều sang Hà Lan tăng trưởng khả quan, trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc lại giảm.
- Thị phần mặt hàng hạt điều của Việt Nam tại Mỹ và Hà Lan giảm, trong khi tăng tại thị trường Trung Quốc.

1. Ngành điều thế giới

Ngành điều toàn cầu đang phải đối mặt với tình trạng cầu vượt cung. Mặc dù nguồn cung điều thô tăng 3,5%/năm, song vẫn không thể đáp ứng tốc độ tăng 6%/năm về nhu cầu. Nguồn cung hạt điều tăng chậm do mất mùa, hạn hán, biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, việc thiếu hụt nguồn cung trong vài năm gần đây khiến giá điều thô toàn cầu tăng cao, kéo theo giá điều thành phẩm tăng. Giá hạt điều ở mức cao khiến người tiêu dùng chuyển dần sang sử dụng các sản phẩm thay thế.

Tham khảo giá hạt điều giao ngay ngày 12/10/2017 tại Delhi

Chủng loại	Giá (rsperkg)
Nhân hạt điều – WW180	1.087,5
Nhân hạt điều – WW210	985
Nhân hạt điều – WW240	927,5
Hạt điều hạt nhân – 2 miếng	725
Hạt điều hạt nhân – 4 miếng	707,5
Hạt điều hạt nhân – 8 miếng	610

Nguồn: cashewinfo

2. Sản xuất điều trong nước

Hiện sản xuất hạt điều trong nước mới chỉ đáp ứng được 1/3 nhu cầu thị trường và đang có dấu hiệu suy giảm sản lượng, hiệu quả sản xuất thấp. Bên cạnh yếu tố thời tiết không thuận lợi, nguồn cung điều trong nước thiếu hụt còn do ngành điều chưa đầu tư thâm canh phù hợp, sản xuất điều phân tán, trình độ thâm canh chưa cao, công tác chọn giống chưa phù hợp, hệ thống tưới tiêu còn nhiều hạn chế. Dự kiến, sản lượng điều thô sản xuất trong năm 2017 đạt khoảng 252.000 tấn, giảm gần 52.000 tấn so với năm 2016.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



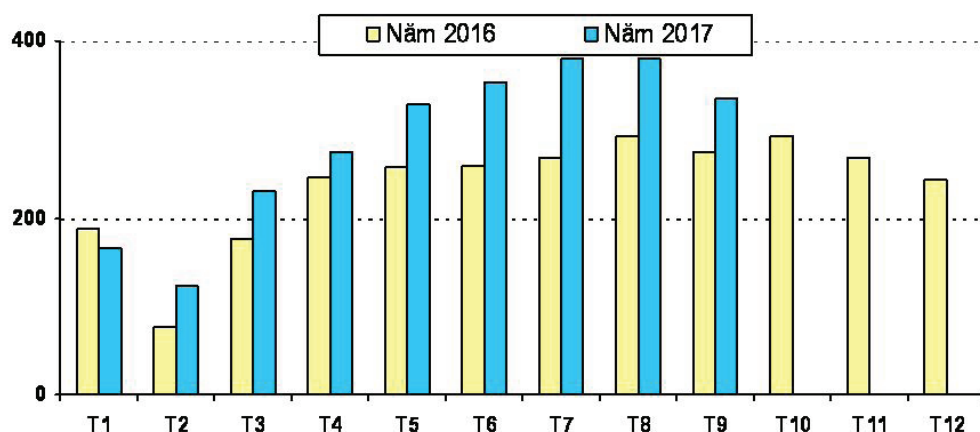
Về giá: Nguồn cung thiếu hụt tác động đến giá hạt điều tăng mạnh và hiện đang đạt mức đỉnh cao.

Tại Đồng Nai, giá thu mua hạt điều khô ở mức 49.000 - 50.000 đồng/kg, tăng gần 10.000 đồng so với đầu năm. Tại Bình Phước, giá thu mua hạt điều khô đạt 49.500 đồng/kg, tăng 3.500 đồng/kg. Đây là mức cao nhất từ nhiều năm trở lại đây do nguồn cung nội địa khan hiếm trong khi nhu cầu xuất khẩu tăng cao.

3. Giá xuất khẩu hạt điều tháng 9/2017 giảm nhẹ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2017, sản lượng hạt điều xuất khẩu đạt 33,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt 334,4 triệu USD, giảm 11% về lượng và giảm 12% về kim ngạch so với tháng trước; tăng 4,9% về lượng và tăng 21,7% về kim ngạch so với tháng 9/2016. Trong 9 tháng năm nay, sản lượng hạt điều xuất khẩu đạt 258,5 nghìn tấn, kim ngạch đạt 2,561 tỷ USD, tăng 0,4% về lượng và tăng 25,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2016.

Kim ngạch xuất khẩu hạt điều qua các tháng từ năm 2016 đến nay (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

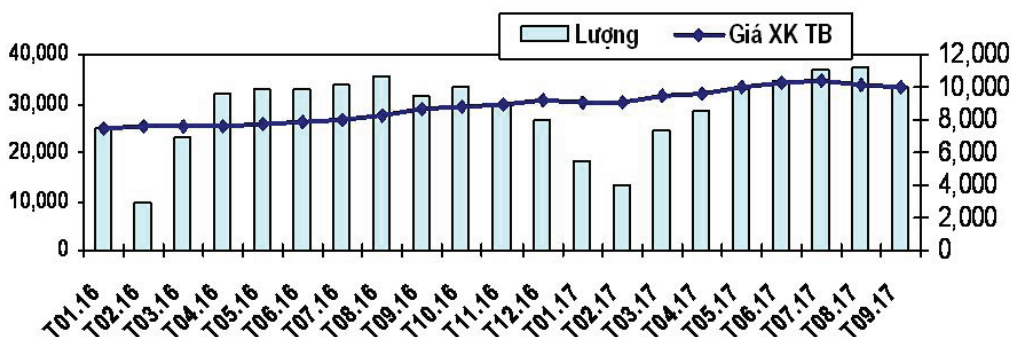
Về diễn biến giá xuất khẩu: Tháng 9/2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng hạt điều đạt mức 10.026 USD/tấn, giảm 1,1% so với tháng trước nhưng tăng 15,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 9 tháng năm 2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng hạt điều đạt 9.909 USD/tấn, tăng 25,1% so với 9 tháng năm 2016.

Trong đó, giá xuất khẩu bình quân hạt điều W320 tháng 9/2017 đạt khoảng 10.280 USD/tấn, giảm 0,5% so với tháng trước nhưng tăng 26,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



Lượng và giá xuất khẩu trung bình mặt hàng hạt điều năm 2016-2017
(ĐVT: Lượng: tấn; Giá XKTB: USD/tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: So với tháng 8/2017, duy nhất chủng loại hạt điều W450/SW320/LBW xuất khẩu tăng 14,2%, đạt gần 12,4 triệu USD trong tháng 9/2017, tăng 47,4% so với tháng 9/2016. Tính chung 9 tháng năm 2017 đạt 80,44 triệu USD, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

9 tháng năm 2017, xuất khẩu hạt điều nhân loại W320 chiếm 64,7% tổng kim ngạch, giảm so với 67,9% tổng kim ngạch trong 9 tháng năm ngoái, đạt 1,656 tỷ USD và tăng 19,6%. Riêng tháng 9/2017 đạt 192,3 triệu USD, giảm 24,1% so với tháng trước và giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2016.

Chủng loại hạt điều xuất khẩu tháng 9 và 9 tháng năm 2017

Chủng loại	T9/2017 (nghìn USD)	So với T8/2017 (%)	So với T9/2016 (%)	9T/2017 (nghìn USD)	So với 9T/2016 (%)	Tỷ trọng/Tổng KNXK(%)	
						9T/2017	9T/2016
W320	192.331	-24,1	-0,8	1.656.520	19,6	64,7	67,9
W240	38.409	-37,4	-11,8	434.980	15,6	17,0	18,5
WS/WB	19.795	-33,3	28,8	187.007	11,7	7,3	8,2
LB	14.898	-23,1	59,4	117.243	12,7	4,6	5,1
W450/SW320/LBW	12.399	14,2	47,4	80.442	23,6	3,1	3,2
DW	3.582	-24,3	-30,2	36.941	-14,3	1,4	2,1
Loại khác	5.832			5.853		0,2	0,0
W230	79		220,2	79	174,7	0,0	0,0

Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



Về thị trường: Tháng 9/2017, xuất khẩu hạt điều tới thị trường Mỹ đạt 11,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 116,4 triệu USD, giảm 15,1% về lượng và giảm 14,4% về kim ngạch so với tháng trước; tăng 2,5% về lượng và tăng 19,4% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 9 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu hạt điều tới thị trường Mỹ đạt 92,5 nghìn tấn, kim ngạch đạt 931,1 triệu USD, tăng 6,5% về lượng và tăng 34,7% về kim ngạch so với 9 tháng năm 2016.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc trong 9 tháng năm 2017 giảm 12,9% về lượng nhưng tăng 9,1% về kim ngạch, đạt xấp xỉ 30,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 295,8 triệu USD. Riêng tháng 9/2017 đạt 4,5 nghìn tấn, kim ngạch đạt 43,1 triệu USD, tăng 15,3% về lượng và tăng 14,6% về kim ngạch so với tháng trước; giảm 10,7% về lượng và giảm 0,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2016.

Thị trường xuất khẩu hạt điều trong tháng 9 và 9 tháng năm 2017

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	T9/2017		So với T9/2016(%)		9T/2017		So với 9T/2016(%)		Tỷ trọng/Tổng KNXX(%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	9T/2017	9T/2016
Tổng	33.349	334.369	4,9	21,7	258.465	2.561.013	0,4	25,6	100	100
Mỹ	11.415	116.450	2,5	19,4	92.531	931.132	6,5	34,7	36,4	33,9
Hà Lan	5.255	54.142	19,7	40,5	40.043	407.597	14,7	45,2	15,9	13,8
Trung Quốc	4.511	43.144	-10,7	-0,2	30.584	295.797	-12,9	9,1	11,5	13,3
Anh	1.312	12.521	-8,6	4,2	12.323	117.262	2,1	23,6	4,6	4,7
Australia	1.227	12.408	-27,5	-14,2	9.830	96.808	-15,5	3,8	3,8	4,6
Đức	1.232	13.127	-7,6	13,6	7.479	76.763	-15,0	7,6	3,0	3,5
Canada	797	8.447	23,0	41,8	7.172	73.168	-11,7	9,3	2,9	3,3
Thái Lan	703	7.018	72,7	108,2	6.676	67.270	6,2	34,0	2,6	2,5
Nga	444	4.537	-6,9	11,7	3.936	38.974	22,7	52,9	1,5	1,3
Ixraen	304	3.338	-3,5	17,0	3.272	36.230	-7,5	22,1	1,4	1,5
Italia	488	3.655	46,1	42,5	4.179	30.529	-2,1	16,5	1,2	1,3
Ấn Độ	450	3.710	251,6	268,9	3.702	30.148	36,0	59,6	1,2	0,9
Pháp	319	3.598	43,0	79,9	2.314	25.440	-5,9	23,3	1,0	1,0
Tây Ban Nha	188	2.028	18,2	36,2	2.106	22.488	10,9	39,8	0,9	0,8
UAE	375	3.014	20,2	26,5	2.696	21.273	-3,1	8,5	0,8	1,0

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



Thị trường	T9/2017		So với T9/2016(%)		9T/2017		So với 9T/2016(%)		Tỷ trọng/Tổng KNXK(%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	9T/2017	9T/2016
New Zealand	273	2.652	-17,8	-3,7	2.172	20.808	5,1	27,0	0,8	0,8
Nhật Bản	253	2.605	-41,8	-26,4	2.178	20.798	-4,0	13,4	0,8	0,9
Bỉ	296	3.188	516,7	588,3	1.649	17.486	87,8	143,6	0,7	0,4
Đài Loan	174	1.827	-14,3	0,1	1.439	15.303	-17,6	2,9	0,6	0,7
Hồng Kông	143	1.671	-8,9	8,8	1.065	12.166	-29,5	-12,4	0,5	0,7
Na Uy	79	844	58,0	106,4	806	8.303	2,2	32,4	0,3	0,3
Singapore	21	236	-80,6	-74,7	703	7.088	-15,0	6,4	0,3	0,3
Philippin	138	1.169	102,9	153,6	833	6.842	-13,6	1,6	0,3	0,3
Nam Phi	119	1.208	-17,4	-1,3	666	6.431	-24,6	-8,3	0,3	0,3
Hy Lạp	79	792	-8,1	3,6	341	3.504	-47,0	-35,1	0,1	0,3
Pakistan	14	151	-92,2	-90,3	273	2.840	-70,8	-62,3	0,1	0,4
Ukraina	72	754	125,0	160,2	237	2.228	17,9	40,8	0,1	0,1

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Dự báo tình hình xuất khẩu trong thời gian tới

Ngành sản xuất điều Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể, với kim ngạch xuất khẩu điều nhân đứng số 1 thế giới, chế biến đứng thứ 2, và là quốc gia có năng suất và sản lượng lớn thứ 3 thế giới. Dự báo trong thời gian tới, ngành điều Việt Nam vẫn có tiềm năng phát triển và trở thành trung tâm của ngành điều thế giới. Với việc sở hữu nhiều giống điều cho năng suất cao (có thể lên tới 2,5 - 3 tấn/ha), cùng gần 300.000 ha diện tích trồng điều, Việt Nam có thể xây dựng được vùng nguyên liệu điều cho năng suất cao và ổn định, từ đó chủ động trong việc điều tiết giá và giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu điều nhập khẩu.

Mục tiêu xuất khẩu 3,3 tỷ USD trong năm 2017 (trong đó xuất khẩu điều nhân đạt 3 tỷ USD và phần còn lại là các sản phẩm phụ) nhiều khả năng sẽ hoàn thành do nhu cầu tiêu thụ trên thế giới ngày càng tăng, đặc biệt thị hiếu tiêu dùng của người dân tại các nước phát triển ngày càng ưa chuộng hạt điều. Theo số liệu từ INC Global Statistics Review, nhu cầu về điều trên thế giới giai đoạn 2009 - 2014 là 6,1%, trong khi sản lượng điều nhân thế giới giai đoạn 2005 - 2016 chỉ đạt 3,5%.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



Hạt điều hiện đang được đánh giá là loại hạt được ưa chuộng tại các quốc gia có thu nhập cao, và có cơ hội ngang với hạt hạnh nhân trở thành hạt có lượng tiêu thụ lớn nhất thế giới. Mặc dù hạt điều tiêu thụ thấp hơn so với hạt hạnh nhân, song tốc độ tiêu thụ tăng trưởng cao hơn. Như vậy, trong bối cảnh hạt điều và hạt hạnh nhân là hai loại hạt được ưa chuộng nhất tại các quốc gia có thu nhập cao và trung bình, và trong khi hạt hạnh nhân có dấu hiệu tăng trưởng chững lại, thì đây là cơ hội cho hạt điều tăng trưởng và chiếm lĩnh thị trường.

Trong khi đó, giá xuất khẩu hạt điều những tháng đầu năm 2017 tăng và có khả năng sẽ tiếp tục tăng cao từ tháng 10 đến tháng 12 theo chu kỳ hàng năm, ngoài ra, nguồn cung duy trì ở mức thấp sẽ tác động tăng giá mặt hàng này. Theo số liệu thống kê từ *customs-info.com*, trong 8 tháng đầu năm 2017, giá nhập khẩu bình quân hạt điều từ Việt Nam vào thị trường Trung Quốc đạt mức 10,58 USD/kg, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tuy nhiên, bên cạnh yếu tố thuận lợi, ngành điều của Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn. Mặc dù Việt Nam là quốc gia có sản lượng điều xuất khẩu lớn nhất thế giới, nhưng nguồn cung điều thô thiếu hụt. Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế, hiện tỷ lệ nhập khẩu điều thô trên tổng sản lượng điều thô chế biến ngày càng chiếm tỷ trọng lớn ở mức 65% - 70% và có xu hướng tăng trong bối cảnh diện tích gieo trồng của cây điều giảm liên tục từ năm 2007 với tốc độ hơn 4%/năm và năng suất không có sự cải thiện đáng kể. Đáng lưu ý, hiện nay, sản phẩm điều chế biến sâu xuất khẩu của Việt Nam mới chỉ đạt 15 - 20%.

4. Dung lượng thị trường và thị phần hạt điều Việt Nam

Những tháng đầu năm 2017, thị phần mặt hàng hạt điều của Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu chủ lực Mỹ và Hà Lan giảm, tăng tại thị trường Trung Quốc. Trong bối cảnh nguồn cung thiếu hụt, ngành điều Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn để giữ vững thị phần và nâng cao giá trị tại các thị trường xuất khẩu truyền thống.

Tại thị trường Mỹ: Theo số liệu thống kê từ Hải quan Mỹ, trong 8 tháng đầu năm 2017, nước này đã chi 1,01 tỷ USD nhập khẩu hạt điều, tăng 39,8% so với 8 tháng đầu năm 2016 và tăng 33,4% so với 8 tháng đầu năm 2015. Như vậy có thể thấy, nhu cầu tiêu thụ hạt điều của người dân Mỹ rất lớn.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



Ngành điều Việt Nam đã rất thành công khi chinh phục được thị trường khó tính Mỹ. Hiện Việt Nam vẫn giữ vững vị trí nguồn cung cấp số 1, tốc độ tăng trưởng cao, tăng 39,2% so với 8 tháng năm 2016 và tăng 44,6% so với 8 tháng năm 2015. Mặc dù vậy, thị phần mặt hàng hạt điều của Việt Nam tại thị trường Mỹ đã bị thu hẹp lại, chiếm 73,7% thị phần trong 8 tháng năm nay, giảm so với 74% thị phần trong 8 tháng năm ngoái, tuy nhiên vẫn tăng so với 68% thị phần trong 8 tháng năm 2015.

Nguồn cung hạt điều vào thị trường Mỹ trong 8 tháng năm 2017

Thị trường	8T/2017 (nghìn USD)	So với 8T/2016(%)	So với 8T/2015(%)	Thị phần(%)		
				8T/2017	8T/2016	8T/2015
Tổng	1.011.482	39,8	33,4	100,0	100,0	100,0
<i>Việt Nam</i>	745.038	39,2	44,6	73,7	74,0	68,0
Ấn Độ	150.762	90,6	-2,1	14,9	10,9	20,3
Brazil	38.402	-19,7	26,0	3,8	6,6	4,0
Indonesia	18.605	22,3	114,8	1,8	2,1	1,1
Mozambique	14.329	5,0	53,5	1,4	1,9	1,2
Thái Lan	8.171	-9,6	-23,0	0,8	1,2	1,4
Cote d'Ivoire	7.618	-11,2	-51,8	0,8	1,2	2,1
Benin	7.376	304,4	122,7	0,7	0,3	0,4
Ghana	5.495	48,6	130,5	0,5	0,5	0,3
Tanzania	5.196	96,1		0,5	0,4	
Kenya	1.665	-10,8	62,4	0,2	0,3	0,1
Trung Quốc	1.648	60,8	-3,5	0,2	0,1	0,2
Hà Lan	376			0,0		
Sri Lanka	315			0,0		
Hồng Kông	44			0,0		

Nguồn: <https://dataweb.usitc.gov>

Tại thị trường Hà Lan: Theo số liệu thống kê từ trademap.org, 6 tháng đầu năm 2017, kim ngạch nhập khẩu hạt điều của Hà Lan tăng 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 206,6 triệu USD. Trong đó, Việt Nam là nguồn cung hạt điều lớn nhất tại thị trường Hà Lan, chiếm 65,2% thị phần trong 6 tháng năm nay, giảm so với 67,6% thị phần trong 6 tháng năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU



Nguồn cung hạt điều cho thị trường Hà Lan trong 6 tháng năm 2017

Thị trường	6T/2017 (nghìn USD)	Thị phần(%)	
		6T/2017	6T/2016
Tổng	206.687	100,0	100,0
Việt Nam	134.736	65,2	67,6
Ấn Độ	37.346	18,1	12,4
Anh	8.517	4,1	4,4
Brazil	4.450	2,2	3,5
Đức	3.833	1,9	1,7
Côte d'Ivoire	3.486	1,7	2,6
Indonesia	3.122	1,5	3,6
Burkina Faso	1.756	0,8	0,5
Tanzania	576	0,3	0,1
Thái Lan	537	0,3	-
Togo	469	0,2	0,3
Áo	359	0,2	-
Kenya	300	0,1	-
Nigeria	173	0,1	0,1
Bỉ	18	0,0	0,1

Nguồn: Trademap

Tại thị trường Trung Quốc: Theo số liệu thống kê từ customs-info.com, trong 8 tháng năm 2017, Trung Quốc nhập khẩu 1.948 tấn hạt điều, kim ngạch đạt 20,43 triệu USD, tăng 73% về lượng và tăng 135,7% về kim ngạch so với 8 tháng năm ngoái. Trong đó, nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam tăng mạnh 89,5% về lượng và tăng 149,9% về kim ngạch, chiếm 97,2% thị phần (về sản lượng) và chiếm 98,1% thị phần (về trị giá), tăng so với 88,7% thị phần (về sản lượng) và giảm so với 92,5% thị phần (về trị giá) trong 8 tháng năm ngoái.

Nguồn cung hạt điều vào thị trường Trung Quốc trong 8 tháng năm 2017

Thị trường	8T/2017		So với 8T/2016(%)		Thị phần(%)			
					8T/2017		8T/2016	
	Lượng (kg)	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	1.948.288	20.436.447	73,0	135,7	100,0	100,0	100,0	100,0
Việt Nam	1.893.290	20.039.286	89,5	149,9	97,2	98,1	88,7	92,5
Ấn Độ	38.556	260.820	29,2	74,8	2,0	1,3	2,7	1,7
Tanzania	15.128	122.533	-74,8	-60,9	0,8	0,6	5,3	3,6
Mỹ	728	9.082	42,5	11,2	0,0	0,0	0,0	0,1
Thái Lan	444	3.713	-21,7	-30,6	0,0	0,0	0,1	0,1
Anh	135	743			0,0	0,0	0,0	0,0
Canada	7	270			0,0	0,0	0,0	0,0

Nguồn: customs-info

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ



- Giá thanh long tại tỉnh Tiền Giang và Long An tăng cao nhất từ trước đến nay.
- Giá chuối tại Lào Cai giảm mạnh do nhu cầu từ thương lái Trung Quốc chậm.
- 9 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả đạt 2,6 tỷ USD, tăng 43,4% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo dự báo của FAO, nhu cầu nhập khẩu và tiêu thụ bình quân đầu người của Trung Quốc đối với rau quả có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2017 - 2020.
- Thị phần hàng rau quả Việt Nam tại EU ở mức thấp
- Hàng rau quả Việt Nam vẫn kém cạnh tranh tại thị trường Mỹ

1. Thị trường Trong nước

Giá thanh long cao kỷ lục, giá chuối giảm mạnh

Liên tục trong vài tháng gần đây, giá thanh long tại tỉnh Tiền Giang và Long An tăng cao nhất từ trước đến nay, với giá 25.000 đồng/kg (ruột trắng) và 55.000 đồng/kg (ruột đỏ) và đang giữ ổn định.

Giá thanh long tăng cao và giữ ổn định trong mấy tháng qua do nguồn hàng xuất khẩu hiếm trong mùa thuận. Những năm trước đây, giá thanh long mùa thuận đạt tiêu chuẩn xuất khẩu cũng chỉ bán với giá từ 3.000 - 5.000 đồng/kg, còn năm nay, giá thanh long ruột trắng và đỏ đều tăng cao gấp cả chục lần nên nông dân lãi rất cao. Đến nay các vườn thanh long tại tỉnh Tiền Giang và Long An đang bắt đầu xông đèn, có vườn sớm đã thu hoạch trái nên tranh thủ được giá cao... Hiện thanh long đã cuối mùa thuận và bắt đầu vào xông đèn nên sản lượng thanh long bị giảm mạnh. Tuy nhiên, có thể khi vào rộ, giá thanh long sẽ biến động giảm xuống vì sản lượng trái nhiều.

Trong khi đó, từ mấy tháng nay, chuối xanh xuất khẩu ở Lào Cai liên tục giảm giá, từ hơn 10 nghìn đồng giảm xuống 1.500 đồng/kg chuối loại A. Giá chuối xuống thấp, thậm chí không có người mua, nhiều hộ nông dân bỏ chuối quá lứa, chín thối trên nương đồi. Giá chuối giảm mạnh do thương lái Trung Quốc thu mua chậm trong bối cảnh giá chuối tại thị trường Trung Quốc giảm mạnh. Giá chuối mua vào tại thị trường Trung Quốc ngày 5/10 đã giảm xuống còn 1 NDT/kg (tương đương 3.425 đ/kg). Kể từ tháng 6, lượng cung chuối tại Trung Quốc đã lớn hơn nhu cầu, do đó giá liên tục giảm.

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ



2. Xuất khẩu rau quả tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2017 mặc dù kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng rau quả giảm 13,1% so với tháng trước, đạt 279,9 triệu USD, nhưng vẫn tăng 14% so với tháng 9/2016. Lũy kế 9 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả đạt 2,6 tỷ USD, tăng 43,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc hiện vẫn là thị trường xuất khẩu rau quả chính của Việt Nam với kim ngạch tháng 9 đạt 209,77 triệu USD, giảm 16,2% so với tháng trước, tăng 11,3% so với tháng 9/2016. Lũy kế 9 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,99 tỷ USD, tăng 53,1% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc chiếm tới 76,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Hiện Việt Nam có 08 loại trái cây tươi được phép xuất khẩu vào Trung Quốc (gồm thanh long, dưa hấu, vải, nhãn, chuối, xoài, mít, chôm chôm), trong đó có 4 loại chiếm thị phần gần như tuyệt đối (từ 85-98%) tại thị trường này; một số loại ta có khả năng sản xuất nhưng lại chưa được phép xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc gồm măng cụt, bưởi da xanh, chanh leo...

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 trong tháng 9, với kim ngạch đạt 13,3 triệu USD, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng tới 79,2% so với tháng 9/2017. Lũy kế 9 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Nhật Bản đạt 93,39 triệu USD, tăng 66,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 3,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Hiện Việt Nam đã được phép xuất khẩu thanh long (ruột đỏ, ruột trắng), xoài, chuối, dưa sang Nhật Bản.

Tháng 9/2017, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả sang Mỹ đạt 7 triệu USD, tăng 1,3% so với tháng 8/2017 và tăng 38,5% so với tháng 9/2016. Tính chung 9 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả sang Mỹ đạt 75,9 triệu USD, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam hiện được phép xuất khẩu 5 loại trái cây tươi vào Mỹ gồm: vải, nhãn, chôm chôm, thanh long và mận đây là vú sữa, nhưng lượng xuất vẫn chưa nhiều.

Thị trường xuất khẩu hàng rau quả tháng 9 và 9 tháng 2017

Thị trường	Tháng 9/2017 (USD)	So với tháng 8/2017 (%)	So với tháng 9/2016 (%)	9 tháng 2017 (USD)	So với cùng kỳ 2016 (%)
Trung Quốc	209.768.532	-16,2	11,3	1.996.729.130	53,1
Nhật Bản	13.366.518	3,7	79,2	93.393.990	66,1
Mỹ	7.053.408	1,3	38,5	75.928.063	27,6
Hàn Quốc	5.224.524	-16,6	-8,1	68.589.837	5,5

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ



Thị trường	Tháng 9/2017 (USD)	So với tháng 8/2017 (%)	So với tháng 9/2016 (%)	9 tháng 2017 (USD)	So với cùng kỳ 2016 (%)
Hà Lan	4.870.094	-14,6	41,8	47.682.332	11,8
Malaysia	5.111.273	25,9	40,2	37.281.471	4,7
Đài Loan	4.717.700	21,3	8,2	33.863.644	14,9
Thái Lan	1.961.352	30,9	-41,9	27.057.198	-11,0
UAE	2.216.546	-20,0	12,5	25.526.784	58,0
Nga	1.590.257	-37,9	-14,9	22.779.414	35,6
Singapore	2.568.901	-1,7	18,1	21.347.658	2,0
Australia	3.500.523	24,3	13,0	20.461.768	21,0
Hồng Kông	1.915.242	51,2	65,8	14.901.137	87,4
Canada	1.088.326	-31,1	-11,9	12.533.772	-1,3
Pháp	1.375.545	25,0	32,1	12.075.326	39,7
Đức	840.772	-33,2	9,5	9.522.665	13,1
Lào	795.378	128,9	84,0	6.210.029	42,6
Anh	436.760	-33,9	11,0	4.776.221	-32,5
Italia	247.461	-80,0	1,9	3.859.936	10,3
Indonesia	59.270		-88,2	3.097.165	-62,5
Côoét	392.973	219,5	53,2	1.569.055	3,7
Ukraina	75.941	-61,0		951.753	59,0
Campuchia	145.526	42,0	61,4	571.722	-70,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu rau quả trong thời gian tới

Kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi trong năm 2017, đặc biệt là các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Mỹ..., nhu cầu tiêu thụ tăng vào các dịp nghỉ lễ, tết... sẽ tác động tích cực đến xuất khẩu hàng rau quả trong các tháng cuối năm.

Trong dài hạn, tiềm năng xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam còn rất lớn khi thị phần của Việt Nam còn thấp. Theo thống kê của FAO, thị trường rau quả toàn cầu sẽ tăng trưởng 8%/năm trong giai đoạn 2017 - 2020 và đạt 320 tỷ USD vào năm 2020. Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm rau quả nhiệt đới, trái mùa và hữu cơ sẽ tăng tại các nước phát triển. Vì vậy, có thể kỳ vọng hàng rau quả sẽ là một trong những nhóm hàng chủ lực để tạo bước đột phá trong xuất khẩu hàng nông, lâm thủy sản nói riêng và trong xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói chung.

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ



Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng rau quả lớn nhất với lợi thế về vị trí địa lý.

Theo dự báo của FAO, nhu cầu nhập khẩu và tiêu thụ bình quân đầu người của Trung Quốc đối với rau quả có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2017 - 2020, với tỷ trọng chiếm 15,1% tổng tiêu thụ thế giới, cao hơn Nhật Bản, EU, Mỹ, đặc biệt là các loại rau quả nhiệt đới. Thị hiếu tiêu dùng của Trung Quốc cũng rõ nét hơn với người Quảng Tây ưa dùng thanh long ruột đỏ, nhãn, vải trái vừa phải, vị ngọt đậm; người miền Bắc Trung Quốc ưa dùng thanh long trái to, dưa hấu trái vừa phải 3-4 kg/quả, vị ngọt đậm... Bên cạnh đó, với Hiệp định FTA ASEAN - Trung Quốc, trái cây Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc cơ bản được hưởng thuế suất 0%, nhưng để mở cửa thị trường, cơ quan quản lý hai nước phải hoàn tất thủ tục đăng ký và đánh giá rủi ro theo quy định của AQSIQ; ngoài ra, mặt hàng này bị chỉ định cửa khẩu thông quan theo quy định của Trung Quốc.

Hiện nay, hàng rau quả chủ yếu được xuất khẩu sang Quảng Tây và Vân Nam rồi chuyển đi tiêu thụ trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Với nhu cầu tăng tiêu thụ trái cây nhiệt đới vào các dịp nghỉ lễ, tết cuối năm, dự kiến xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng tích cực, riêng thanh long có khả năng giảm nhẹ do Trung Quốc cũng vào chính vụ thu hoạch;

Thị phần hàng rau quả Việt Nam tại EU ở mức thấp

Nhu cầu tiêu thụ rau các loại của EU khoảng 115-130 triệu tấn/năm, trái cây khoảng 70-80 triệu tấn/năm và đang có xu hướng gia tăng. Ngoài nguồn cung nội địa, EU nhập khẩu trái cây nhiệt đới như thanh long, xoài, vải, chuối, chanh leo, bơ, măng cụt, dưa, dứa..., tiêu thụ chủ yếu tại khu vực cộng đồng người châu Á sinh sống. Tuy nhiên, cho đến nay thị phần hàng rau quả của Việt Nam tại thị trường này chỉ đạt khoảng 0,4%. Mặc dù đã thâm nhập được thị trường EU, nhưng thị phần trái cây Việt Nam còn thấp do kém cạnh tranh với các đối thủ khác có vị trí địa lý gần hơn như Braxin, Peru, Ecuador, Panama và các đối thủ trong khu vực như Thái Lan, Philippin, Malaysia về giá, chất lượng và thời gian giao hàng; Bên cạnh đó, EU luôn đòi hỏi cao về an toàn thực phẩm cũng là một rào cản đối với hàng rau quả Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này. EU thường xuyên rà soát, điều chỉnh chặt chẽ quy định về an toàn thực phẩm và gia tăng tần suất kiểm tra đối với rau quả của Việt Nam do phát hiện nhiều lô hàng

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ



không phù hợp với quy định của EU, gây bất lợi đến tiến độ xuất khẩu vào thị trường này. Hiện nay, tần suất kiểm tra thanh long Việt Nam tăng lên 20% và các loại rau gia vị cũng tăng lên 50%. Chính vì vậy, việc sản xuất và kinh doanh rau quả tươi với thị trường EU cần phải tuân thủ các yêu cầu của luật pháp cũng như những yêu cầu khác của người mua. Trong số các yêu cầu chính, nhà xuất khẩu sẽ phải áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng cụ thể trong quá trình chế biến, đóng gói sản phẩm. Đồng thời, chú trọng truy xuất nguồn gốc sản phẩm để có thể theo dõi sản phẩm trong trường hợp phát sinh về an toàn và khắc phục chúng.

Hàng rau quả Việt Nam vẫn kém cạnh tranh tại thị trường Mỹ

Trung bình hàng năm, Mỹ tiêu thụ khoảng 12 triệu tấn trái cây tươi, chủ yếu là cam, nho, táo, chuối, dưa. Trong đó, Mỹ có khả năng sản xuất 70% và phải nhập khẩu 30% tổng lượng tiêu thụ. Tuy nhiên, cho đến nay, trái cây tươi Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ với lượng xuất không đáng kể, chiếm thị phần nhỏ khoảng 3%, đứng sau Mexico với thị phần 88%. Các nước khác: Chile chiếm thị phần 2%, Trung Quốc chiếm 1,2% và Thái Lan là 1,1%. Nhìn chung, trái cây tươi Việt Nam hiện kém cạnh tranh so với các nước có vị trí địa lý gần với Mỹ do các chi phí vận chuyển, bảo quản, kiểm dịch, xử lý chiếu xạ... của Việt Nam cao.

Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu hàng rau quả vào thị trường Mỹ vẫn có tiềm năng khi cho đến nay nước này đã cho phép nhập khẩu 5 loại trái cây của Việt Nam. Mới đây, Cơ quan Kiểm dịch động thực vật (APHIS, Bộ Nông nghiệp Mỹ) đã chính thức đồng ý cho Việt Nam được xuất khẩu quả vú sữa, loại quả thứ 5 của Việt Nam cùng với quả vải, nhãn, chôm chôm và thanh long vào thị trường Mỹ. Như vậy, sau gần 10 năm phía Việt Nam gửi hồ sơ đăng ký xuất khẩu loại quả này, đến nay Mỹ đã xem xét thông qua về điều kiện kiểm dịch thực vật với quả vú sữa. Theo đó, phải có vùng trồng được cấp mã số, chiếu xạ... Ngoài ra, phía Mỹ cũng yêu cầu việc kiểm soát đối tượng dịch hại bắt buộc đối với 8 loại sâu hại, chủ yếu là các loại ruồi đục quả và rệp.

Hơn nữa, hai cơn bão Harvey và Irma vừa qua đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới ngành rau quả nước Mỹ. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), nguồn cung trái cam, bưởi của nước này sẽ bị thiếu hụt khoảng 10% đối với mặt hàng cam, từ 20% đến 30% đối với mặt hàng bưởi. Ước tính sản lượng cho vụ mùa 2016 – 2017 là 68,5 triệu thùng cam và 7,8 triệu thùng bưởi. Hiện bang Florida là nguồn cung cấp chính về rau quả và trái cây cho cả nước Mỹ, ngoài việc nguồn cung bị ảnh hưởng do yếu tố thời tiết, thì nguồn nhân công của ngành nông nghiệp ở Florida đang bị thiếu.

THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI



- Xuất khẩu mặt hàng cao su tự nhiên sang thị trường Trung Quốc đang giữ mức ổn định.
- Xuất khẩu lợn thịt sang thị trường Trung Quốc đang khôi phục trở lại.
- Xuất khẩu thủy, hải sản trong xu thế tăng, tuy nhiên công việc bảo quản chất lượng sản phẩm cần được chú ý để tránh rủi ro và thiệt hại.

Xuất khẩu mặt hàng cao su tự nhiên của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đang giữ mức ổn định, với sản lượng chung đạt khoảng 19.000 tấn trong tuần từ 05/10 đến 12/10/2017. Theo dự báo, mức sản lượng tham gia xuất khẩu này sẽ duy trì trong suốt tháng 10. Trong tuần, có 07 loại sản phẩm cao su thiên nhiên qua chế biến được xuất khẩu sang Trung Quốc. Loại sản phẩm thương hiệu SVR 3L vẫn giữ giá như tuần trước. Các loại SVR5, SVR –L, SVR- CV50, SVR – CV60 có thỏa thuận hai bên giảm giá 1,4% do độ ẩm cao. Hai loại cao su xám SVR10, SVR20 đã thực hiện phương án giá tăng 3,5% do cung thấp hơn cầu khoảng 15%.

Từ nay đến cuối năm 2017, thủy, hải sản được dự báo sẽ là mặt hàng luôn xếp hàng đầu về kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc qua cửa khẩu Móng Cái. Trong tuần này, sản lượng các chủng loại sản phẩm thủy, hải sản xuất khẩu đạt xấp xỉ 9.500 tấn, tăng nhẹ so với tuần trước. Số sản phẩm bảo quản lạnh chiếm đến 57% so với tổng lượng xuất khẩu, được khách hàng nhập khẩu hài lòng hơn. Đặc biệt, các mặt hàng cấp đông chất lượng cao đã tăng đáng kể. Nhu cầu về các sản phẩm phơi/sấy khô của các đối tác bắt đầu tăng từ trung tuần tháng 10/2017, với khả năng có thể xuất khẩu được khoảng 2.000 tấn/tuần. Đồng thời, nhu cầu của đối tác về nhuyễn thể hai mảnh vỏ cũng tăng cao, nhất là tu hải và sò huyết. Đáng quan tâm nhuyễn thể một mảnh vỏ là bào ngư (còn có tên gọi là “cửu khổng”) đã được các đối tác Trung Quốc nhập khẩu rất mạnh. Tuy nhiên, mặt hàng này nguồn cung còn hạn chế, mỗi tuần chỉ xuất

THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI



khẩu được 1.000 kg. Muốn tăng sản lượng xuất khẩu bào ngư, cần mở rộng khẩu nuôi trồng một cách hợp lý.

Xuất khẩu thủy, hải sản trong xu thế tăng, nhưng một vấn đề nổi lên là công việc bảo quản chất lượng sản phẩm cần được xử lý tốt để tránh rủi ro và thiệt hại do thời tiết gây ra. Trong tuần cuối tháng 9/2017 đã có 3 lô hàng cá, tôm, mực tổng số gần 70 tấn bị khách hàng Trung Quốc không chấp nhận do bảo quản đông lạnh không đạt chuẩn gây thiệt hại kinh tế khoảng 6,5 tỷ VNĐ.

Xuất khẩu tinh bột sắn tiếp tục được gia tăng trong những ngày đầu tháng 10/2017, có 9 công ty, đơn vị và tư thương đã tham gia xuất khẩu 3.350 tấn tinh bột sắn các loại, tăng 26% so với tuần giữa tháng 9/2017.

BẢN TIN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Đơn vị xây dựng nội dung: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương.

Đơn vị phối hợp: Cục Xuất nhập khẩu

Mọi thông tin phản hồi xin liên hệ: Tel: (024) 22192875 - (024) 22202311